

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-PT

Ngày 27/4/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLPT-HNGĐ ngày 09/3/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐ-PT ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Dương Đức K, sinh năm 1975. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thù Sơn, xã Hòa S, huyện Hiệp H, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Việt Ng, sinh năm 1974. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thù Sơn, xã Hòa S, huyện Hiệp H, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Th- Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp H, tỉnh B.

Bà Ngô Thị Th ủy quyền lại cho ông Dương Ngọc Ph- Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Việt Ng- là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là anh Dương Đức K trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị Việt Ng kết hôn ngày 10/3/1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa S, huyện Hiệp H, tỉnh B. Tên đầy đủ của chị Ng là Nguyễn Thị Việt Ng nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn lại ghi là Nguyễn Thị Nga, việc ghi như vậy là do nhầm lẫn, thiếu tên đệm của chị Ng. Vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do anh chơi bời nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm. Quan hệ giữa chị Ng với gia đình anh không được tốt. Anh và chị Ng ly thân từ tháng 02/2020 nhưng vẫn ở cùng nhà, đến tháng 4/2020 thì anh chuyển về ở cùng bố mẹ để cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Việt Ng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Hồng Qu, sinh ngày 24/5/1998 và Dương Hồng Th, sinh ngày 29/01/2008. Cháu Qu đã trưởng thành và có gia đình riêng. Còn cháu Th hiện nay vẫn đang ở cùng chị Ng. Vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Th. Trường hợp anh nuôi dưỡng cháu Th thì anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Việt Ng trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Chị và anh Dương Đức K kết hôn ngày 10/3/1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa S, huyện Hiệp H, tỉnh B. Tên đầy đủ của chị là Nguyễn Thị Việt Ng nhưng trong Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi là Nguyễn Thị Nga là do nhầm lẫn nên ở mục chữ ký người vợ chị có ký và ghi tên “Nguyễn Thị Nga”. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì. Vợ chồng quan tâm yêu thương chăm sóc nhau và chăm sóc gia đình. Quan hệ giữa chị với gia đình anh K rất tốt, không có mâu thuẫn gì. Quan hệ giữa anh K với gia đình chị cũng rất tốt, không có mâu thuẫn gì. Trong quá trình vợ chồng chung sống thì anh K thường xuyên chơi bời nợ nần nhưng chị vẫn tha thứ. Có nhiều lần vợ chồng bất đồng quan điểm nhưng cũng đã giải quyết được. Chỉ từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh K mới chuyển về sống cùng bố mẹ để để yêu cầu ly hôn chị và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị xác định vợ chồng vẫn có thể tiếp tục chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau. Anh K yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý, vì chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con, không muốn gia đình bị tan vỡ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Hồng Qu, sinh ngày 24/5/1998 và Dương Hồng Th, sinh ngày 29/01/2008. Cháu Qu đã trưởng thành và có gia đình riêng. Còn cháu Th hiện nay vẫn đang ở cùng chị. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có ký vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng. Hàng tháng chị vẫn trả tiền lãi cho Ngân hàng, không vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Khoản vay chưa đến hạn trả nợ gốc. Chị sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ này cho Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu chị trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong vụ án này thì chị không đồng ý vì chị không vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội do ông Dương Ngọc Ph đại diện theo ủy quyền trình bày: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn của gia đình bà Nguyễn Thị Việt Ng ngày 12/11/2019, danh sách hộ gia đình đề nghị xin vay vốn hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn của UBND xã Hòa S. Ngày 16/11/2019, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp H đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Việt Ng vay số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7065034784. Thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 16/11/2024. Khoản vay không có tài sản bảo đảm, cho vay ủy thác thông qua tổ chức Hội nông dân xã Hòa S. Nay vợ chồng giải quyết ly hôn thì quan điểm của Ngân hàng là không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Ng phải trả nợ cho Ngân hàng. Sau này nếu chị Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H đã xử:

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Anh Dương Đức K được ly hôn chị Nguyễn Thị Việt Ng.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Hồng Th, sinh ngày 29/01/2008 cho chị Nguyễn Thị Việt Ng nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 24/01/2021 chị Nguyễn Thị Việt Ng là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại vụ án theo hướng bác yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Đức K và chấp nhận đơn kháng cáo của chị để vợ chồng chị về đoàn tụ chung sống để nuôi dạy các con trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là anh Dương Đức K không rút đơn khởi kiện, bị đơn là chị Ng không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Việt Ng trình bày: Chị không đồng ý ly hôn với anh Dương Đức K vì anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và về nhà ruồng rẫy vợ con. Tuy nhiên, chị đã cho anh K cơ hội nhưng anh K vẫn nhất quyết ly hôn. Chị kháng cáo chỉ với mục đích là chứng minh anh K có quan hệ ngoại tình. Chị mong muốn anh K quan về đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con, nếu anh K vẫn nhất quyết ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn là anh Dương Đức K trình bày: Anh không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Ng. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh không còn tình cảm với chị Ng nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho anh được ly hôn với chị Ng, chị Ng yêu cầu về đoàn tụ anh không đồng ý, chị Ng trình bày anh ngoại tình là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Việt Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Việt Ng được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí

phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, kháng cáo của chị Nguyễn Thị Việt Ng là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội đã được triệu tập hợp lệ nhưng ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Việt Ng về việc không đồng ý ly hôn với anh K, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm bác đơn ly hôn của anh K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Về quan hệ tình cảm: Anh Dương Đức K và chị Nguyễn Thị Việt Ng kết hôn ngày 10/3/1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa S, huyện Hiệp H, tỉnh B. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Chị Ng cho rằng anh K có quan hệ bất chính bên ngoài và về nhà ruồng rẫy vợ con, tuy nhiên chị Ng không đưa ra được bằng chứng rõ ràng về việc anh K có quan hệ bất chính, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh K. Anh K xác định do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không có tiếng nói chung và anh không còn tình cảm với chị Ng nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại cấp phúc thẩm chị Ng xác định nêu anh K cứ kiên quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Nên cần xử cho anh K được ly hôn chị Ng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh K ly hôn chị Ng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Hồng Qu, sinh ngày 24/5/1998 và Dương Hồng Th, sinh ngày 29/01/2008. Cháu Qu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết. Vợ chồng ly hôn chị Ng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Hồng Th. Cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh K đồng ý với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Ng. Để đảm bảo cho cháu Th có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao cháu Dương Hồng Th cho chị Ng nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị Ng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Ng không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại cấp phúc thẩm chị Ng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Ng.

[4]. Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Việt Ng, giữ bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Ng không được chấp nhận nên chị Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 luật tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Việt Ng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Anh Dương Đức K được ly hôn chị Nguyễn Thị Việt Ng.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Hồng Th, sinh ngày 29/01/2008 cho chị Nguyễn Thị Việt Ng nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Việt Ng phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000620 ngày 25/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp H. Xác nhận chị Ng đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9-

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Hiệp H;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện Hiệp H;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa S, huyện Hiệp H, tỉnh B.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Thu Hiền Nguyễn Thị Hương Giang

Trần Thị Hà

